

Số: 452/2026/QĐST-HNGĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ các Điều 55, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 137/2026/TLST-HNGĐ ngày 13/01/2026 về “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Đặng Thị Thanh H, sinh năm 1954

Căn cước công dân số XXXXXXXXXXXXX

Địa chỉ: Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Ông Đỗ Hoài N, sinh năm 1955

Căn cước công dân số XXXXXXXXXXXXX

Địa chỉ: Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy công nhận kết hôn số 2970, ngày 08/1/1979 do Ủy ban nhân dân khu phố H, Thành phố Hà Nội (nay là Ủy ban nhân dân phường K, Thành phố Hà Nội) cấp cho Bà Đặng Thị Thanh H và ông Đỗ Hoài N, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa Bà Đặng Thị Thanh H

và ông Đỗ Hoài N là hợp pháp. Nay Bà Đặng Thị Thanh H và ông Đỗ Hoài N yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Căn cứ vào Giấy khai sinh số 1192 ngày 12/12/1979 và Giấy khai sinh số 148 ngày 13/7/1983 do Ủy ban nhân dân phường G, quận Q, tỉnh Nghĩa Bình cấp lần lượt cho Đỗ Hòa B và Đỗ Thị Nam P, có cơ sở xác định Bà Đặng Thị Thanh H và ông Đỗ Hoài N có hai con chung tên Đỗ Hòa B, sinh ngày 26/10/1979 (đã thành niên) và Đỗ Thị Nam P, sinh ngày 27/6/1983 (đã thành niên).

[3] Về tài sản chung: Bà Đặng Thị Thanh H và ông Đỗ Hoài N không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Bà Đặng Thị Thanh H và ông Đỗ Hoài N tự khai hai bên không có nợ chung.

[5] Xét thấy các đương sự thật sự tự nguyện ly hôn, việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành vào ngày 02/3/2026, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Thanh H và ông Đỗ Hoài N thuận tình ly hôn.

Giấy công nhận kết hôn số 2970, ngày 08/1/1979 do Ủy ban nhân dân khu phố H, Thành phố Hà Nội (nay là Ủy ban nhân dân phường K, Thành phố Hà Nội) cấp cho Bà Đặng Thị Thanh H và ông Đỗ Hoài N không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Bà Đặng Thị Thanh H và ông Đỗ Hoài N có hai con chung tên Đỗ Hòa B, sinh ngày 26/10/1979 (đã thành niên) và Đỗ Thị Nam P, sinh ngày 27/6/1983 (đã thành niên).

1.3. Về tài sản chung: Bà Đặng Thị Thanh H và ông Đỗ Hoài N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Bà Đặng Thị Thanh H và ông Đỗ Hoài N không có nợ chung.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Bà Đặng Thị Thanh H và ông Đỗ Hoài N được miễn lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi thành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND KV5-TPHCM;
- THADS TPHCM;
- UBND phường K, TP Hà Nội;
- Đường sự;
- Lưu: HS, VT.

THẨM PHÁN

Phạm Lê Ninh